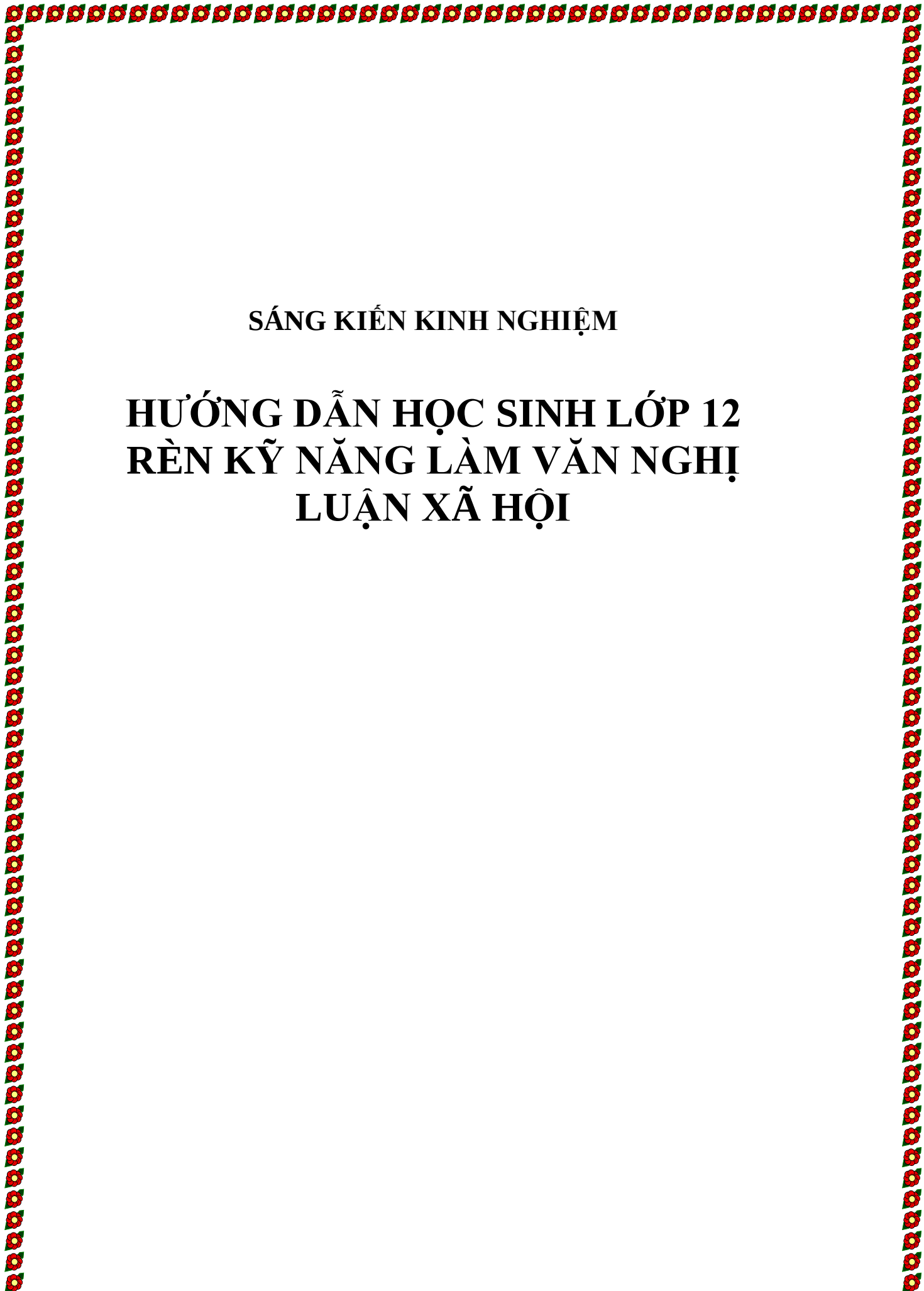




SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 12
RÈN KỸ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ
LUẬN XÃ HỘI**

I-LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI:

Những năm gần đây, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ngày càng chú trọng nhiều hơn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học nhằm cung cấp tri thức toàn diện cho người học, đặc biệt là việc nâng cao chất lượng dạy và học môn Ngữ Văn trong trường phổ thông. Trên cơ sở đó, rèn luyện năng lực cảm thụ văn học, bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn và nhân cách, chuẩn bị cho các em hành trang tri thức vào đời.

Trong xu thế đổi mới việc dạy và học Ngữ Văn nói chung, cụ thể là đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau một thời gian tiến hành thí điểm, từ năm học 2006 - 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa vào sử dụng bộ Sách giáo khoa mới theo chương trình phân ban đại trà, áp dụng cho các trường Trung học phổ thông (THPT) trên toàn quốc. Các bộ sách giáo khoa mới (Chuẩn và Nâng cao) đều có nhiều thay đổi: bỏ đi một số văn bản không còn thích hợp; một số văn bản mới được đưa thêm vào sách giáo khoa mới theo từng lớp học, cấp học để phù hợp với yêu cầu và tình hình phát triển chung của xã hội hiện tại. Đồng thời, kiểu bài làm văn nghị luận xã hội còn được đưa vào chương trình Ngữ Văn ở cả bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Kiểu bài nghị luận xã hội nói chung là khó đối với lứa tuổi các em học sinh. Khi làm bài nghị luận văn học, các em học sinh có thuận lợi là đã được trang bị kiến thức rất kĩ qua các giờ đọc - hiểu văn bản văn học, chỉ sử dụng kỹ năng làm văn nghị luận văn học để tái hiện lại kiến thức ấy thông qua cảm quan của cá nhân. Còn khi làm bài nghị luận xã hội, các em gặp không ít khó khăn cả về nội dung lẫn phương pháp làm bài.

Cũng từ năm học 2008 - 2009, trong các đề thi (cả thi học kì và thi tốt nghiệp THPT) môn Ngữ Văn, bên cạnh yêu cầu tái hiện kiến thức văn học về tác giả, tác phẩm (nghị luận văn học), đề bài còn đưa ra yêu cầu bắt buộc thí sinh viết một văn bản nghị luận (giới hạn trong khoảng 400 từ) bàn về một vấn đề mang tính thời sự của đời sống xã hội, như: *an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường, một vấn đề về tu tưởng, đạo lí ...*. Thang điểm dành cho phần này khá cao, chiếm 3/10 điểm của toàn bài thi. Qua thực tế giảng dạy và chấm thi tốt

nghiệp THPT các năm gần đây, có thể nhận thấy một thực tế: số học sinh làm tốt và đạt điểm tối đa (3,0 điểm) cho kiểu bài này không nhiều, hoặc nếu có "*làm được*" thì chất lượng bài làm không cao, dẫn đến điểm của toàn bài cũng không cao, ảnh hưởng đến kết quả chung. Tại sao lại có tình trạng đó? Là giáo viên trực tiếp giảng dạy Ngữ Văn lớp 12, chúng ta cần phải làm gì trước thực tế này để giúp các em học sinh có được những kỹ năng làm bài tốt nhất khi đứng trước nhiều vấn đề rất thiết thực của đời sống xã hội, qua đó bày tỏ được thái độ, suy nghĩ, nhận xét ... của bản thân trước vấn đề ấy? Đó là những câu hỏi đã và đang được đặt ra và cần sớm được giải quyết trong thực tế dạy - học hiện nay.

Là giáo viên giảng dạy Ngữ Văn, chúng tôi luôn mong muốn giúp các em học sinh tiếp cận được vấn đề, hiểu và giải quyết được vấn đề đặt ra từ các đề làm văn nghị luận xã hội. Từ đó, bồi dưỡng cho các em sự yêu thích đối với môn học và cũng là để góp phần giúp các em thêm hiểu người, hiểu đời; làm phong phú thêm đời sống tâm hồn, tình cảm; góp phần hình thành kỹ năng sống cho các em từ những vấn đề xã hội được tiếp cận. Đồng thời, những vấn đề được đặt ra từ các đề bài làm văn nghị luận xã hội cũng góp phần thiết thực vào việc giáo dục và hoàn thiện nhân cách cho học sinh, trở thành hành trang tri thức, góp phần chuẩn bị cho các em tự tin bước vào đời thông qua những vấn đề nghị luận xã hội rất thiết thực.

Đó là lý do tôi chọn đề tài này: *Hướng dẫn học sinh lớp 12 rèn kỹ năng làm văn Nghị luận xã hội*.

II-THỰC TRẠNG TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ TÀI:

Trong quá trình giảng dạy, bản thân tôi nhận thấy có những thuận lợi, khó khăn như sau:

1-Thuận lợi:

-Sách giáo khoa từ cấp Trung học cơ sở lên Trung học phổ thông có sự chuyển tiếp, liên mạch, thống nhất trong hệ thống kiến thức môn học.

-Được sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Giáo dục - Đào tạo, Sở Giáo dục - Đào tạo của tỉnh đã tổ chức thường xuyên các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức

nghiệp vụ cho giáo viên hàng năm đã giúp các giáo viên Ngữ Văn nắm vững tinh thần đổi mới của chương trình - SGK và thực hiện dạy tốt.

-Bên cạnh đó, một thực tế không thể phủ nhận là sách giáo khoa, sách giáo viên được in ấn kịp thời, đa dạng; các phương tiện thông tin truyền thông: báo, mạng internet ... rộng khắp cũng đã giúp ích rất nhiều cho cả giáo viên và học sinh trong quá trình dạy - học Ngữ Văn.

-Học sinh chủ động, thích thú tìm hiểu, khám phá những kiến thức mới trong chương trình nên tiết học Văn trở nên sôi nổi, hào hứng hơn; đồng thời giúp các em khắc sâu được kiến thức cơ bản của bài học. Không chỉ vậy, nhiều em rất có ý thức tìm hiểu, suy nghĩ, bàn luận ... về những vấn đề xã hội được đặt ra từ các đề văn nghị luận xã hội.

-Hiện nay, với sự phát triển của đời sống xã hội, nghị luận xã hội ngày càng có vai trò thiết thực trong cuộc sống. Cái hay của văn nghị luận xã hội, trước hết là học sinh không cần thuộc lòng những tri thức đọc hiểu mà vẫn có thể làm bài được. Các em có thể tự do trình bày những suy nghĩ, quan điểm của mình một cách khách quan nhất. Mặt khác, các em cũng có thể thể hiện sự hiểu biết phong phú của mình cho bài viết sinh động hơn. Có thể nói, dạng đề văn nghị luận xã hội hiện nay thực chất là một dạng đề "mở", vì thế nó rất phù hợp cho mọi đối tượng học sinh, đặc biệt là các bạn học ban khoa học tự nhiên vốn "sợ" và lười học thuộc văn.

2-Khó khăn:

Như trên đã nói: sách giáo khoa từ cấp Trung học cơ sở lên Trung học phổ thông có sự chuyển tiếp, liền mạch, thống nhất trong hệ thống kiến thức môn học. Thực tế dạy - học cũng cho thấy: ở bậc Trung học cơ sở, học sinh cũng đã được làm quen với kiểu bài nghị luận xã hội. Như vậy, những vấn đề đặt ra trong kiểu bài nghị luận xã hội có vị trí và tầm quan trọng nhất định trong việc mang lại tri thức và góp phần hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Nhưng thực tế lại cho thấy kết quả bài làm của học sinh "*Có vấn đề*" về mặt chất lượng. Có khá nhiều nguyên nhân, nhưng tập trung chủ yếu ở mấy điểm sau:

- Do tuổi đời của các em chưa nhiều, khả năng nhận thức chưa cao, cơ hội va chạm với muôn mặt của đời sống còn ít nên dẫn đến vốn sống, kinh nghiệm sống, sự hiểu biết xã hội không tránh khỏi có những hạn chế nhất định.

- Ý thức tiếp cận những vấn đề xã hội của các em chỉ mang tính quan sát mà không mang tính nhận thức, cho nên có khi biết mà không nói được vấn đề một cách rõ ràng. Nói khác đi, có khi các em đã từng bắt gặp những vấn đề được đặt ra trong đề bài từ thực tế đời sống, nhưng do bản thân các em không "*để tâm*" nên khi bắt gặp được hỏi, các em khó trình bày vấn đề cho cặn kẽ, sâu sắc, thấu đáo như yêu cầu.

- Một thực tế khác là các em nắm lý thuyết làm văn nghị luận xã hội rất hời hợt và còn có phần xem nhẹ. Ở lớp 9, học sinh chỉ tiếp cận cách thức làm bài nghị luận xã hội rất đơn giản. Đến lớp 10, chủ yếu ôn lại kiến thức khái quát của văn bản tự sự, thuyết minh và nghị luận văn học mà không đề cập đến nghị luận xã hội. Lên lớp 11, chương trình có tập trung vào nghị luận xã hội nhưng chỉ mang tính tích hợp bằng cách giới thiệu một số văn bản dạng nghị luận xã hội trong phần đọc - hiểu văn bản, chọn ngữ liệu cho phần làm văn dạng văn bản nghị luận xã hội và thực hiện hai bài viết liên quan. Đến lớp 12, các em mới tái hiện lại cách làm bài qua hai bài lý thuyết: *Nghị luận về một tư tưởng đạo lý* và *Nghị luận về một hiện tượng đời sống*. Chính xác hơn, chương trình Ngữ Văn Trung học phổ thông mới chủ yếu tập trung rèn luyện kỹ năng nghị luận văn học cho học sinh. Cụ thể, chương trình Ngữ Văn Trung học phổ thông có 21 bài làm văn thì nghị luận xã hội chỉ được viết 3 bài (2 bài ở lớp 11, 1 bài ở lớp 12), còn lại đều là bài nghị luận văn học. Trong quá trình giảng dạy, đa số giáo viên cũng đặt việc rèn luyện kiểu bài nghị luận văn học cho học sinh ở vị trí số 1, vì nó liên quan đến các tác giả và tác phẩm văn học trong chương trình. Vì thế, các em học sinh càng mơ hồ phương pháp làm bài và hạn chế những hiểu biết, kinh nghiệm, vốn sống ... về nghị luận xã hội. Đó thực sự là một vấn đề cần được quan tâm.

Thực tế, yêu cầu của đề bài nghị luận xã hội đặt ra trong các đề thi (thi học kỳ và thi tốt nghiệp) không phải là quá sức các em cả về dung lượng lẫn lĩnh vực vấn đề bàn luận. Ví dụ, đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2009:

Anh/ chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách.

Từ thực tế học tập và cuộc sống, đa số các em học sinh đều hiểu rất rõ: sách là sản phẩm tinh thần của con người; là kho tàng tri thức vô tận của nhân loại. Đọc sách có nhiều tác dụng: mở rộng, nâng cao hiểu biết trên nhiều lĩnh vực, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, lễ sống; đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh ... cho con người ...

Có thể khẳng định, kiến thức để làm một bài viết này đối với các em là khá phong phú và đa dạng. Nhưng tại sao kết quả là các em lại không làm được bài hoặc làm bài chất lượng thấp? (Năm 2010, kết quả điểm thi tốt nghiệp môn Ngữ Văn của trường THPT Nguyễn Hữu Cánh nói riêng, của toàn tỉnh Đồng Nai nói chung thấp hơn nhiều so với mọi năm). Theo chúng tôi, nguyên nhân chủ yếu là do học sinh không biết cách bày tỏ những điều mình có, mình hiểu; nghĩa là các em thiếu phương pháp và các kỹ năng cần thiết để làm tốt bài văn nghị luận xã hội.

III-NỘI DUNG ĐỀ TÀI:

1-Cơ sở lý luận:

1.1.Khái niệm:

-Văn nghị luận xã hội: hiểu đơn giản là kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống hoặc một tư tưởng, đạo lý; bao gồm những vấn đề thuộc mọi quan hệ, mọi hoạt động của con người trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, giáo dục, môi trường, dân số ... v.v ...

Nghị luận xã hội có thể đề cập tới rất nhiều mặt của đời sống xã hội. Từ những vấn đề có tầm nhân loại như: chiến tranh và hòa bình, tình trạng ô nhiễm môi trường, những vấn đề nhân sinh quan như quan niệm về lễ sống và cái chết, về hạnh phúc và tình yêu đến những vấn đề xã hội cụ thể như nạn tham nhũng, tệ cờ bạc, ý thức về pháp luật, tệ nạn giao thông ... Tóm lại, mọi vấn đề liên quan tới đời sống con người và xã hội đều có thể trở thành một đề tài của kiểu bài nghị luận xã hội. Tuy nhiên, cần chú ý một thực tế là đề tài của bài nghị luận xã hội thường hướng vào những vấn đề có tính chất thời sự, có ý nghĩa thiết

thực và cấp bách đối với toàn xã hội; tập trung bàn bạc, trao đổi về một vấn đề nào đó có liên quan trực tiếp đến đời sống xã hội về vật chất hoặc đời sống tinh thần của con người.

Trong chương trình Ngữ Văn 12, vấn đề được đề cập trong kiểu bài nghị luận xã hội có thể là: một hiện tượng đời sống; một tư tưởng, đạo lí hoặc về một vấn đề được rút ra từ một tác phẩm văn học.

1.2.Vai trò, vị trí của văn nghị luận xã hội:

1.2.1-Trong đời sống:

Nghị luận xã hội được ứng dụng hết sức rộng rãi trong đời sống: các bài bình luận, xã luận về một vấn đề, một hiện tượng nào đó thuộc lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa ... Dù tồn tại dưới dạng nói hay dạng viết thì nghị luận xã hội luôn có một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Có thể nói: nó giúp con người nhận thức một cách đầy đủ, cập nhật khách quan các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày, để từ đó định hướng tốt cho sự phát triển tích cực của con người theo quy luật vận động xã hội. Ở Việt Nam, việc đưa thêm dạng đề nghị luận xã hội vào chương trình - sách giáo khoa và đưa thêm câu hỏi nghị luận xã hội vào đề văn những năm gần đây là một tín hiệu đáng mừng, thể hiện sự phát triển của đời sống xã hội và vị trí quan trọng của loại văn này.

Nghị luận xã hội là một yêu cầu cần thiết trong đời sống, đặc biệt là cho học sinh bậc Trung học phổ thông. Bởi vì qua đó, giáo viên có thể kiểm tra chính xác năng lực tư duy, óc sáng tạo, sự hiểu biết về xã hội của học sinh; mặt khác, tránh tình trạng lệ thuộc nhiều vào sách vở của các em.

1.2.2.Trong nhà trường:

❖Chương trình Ngữ Văn Trung học cơ sở:

Ở lớp 9, học sinh được hướng dẫn nghị luận xã hội khá kỹ với phân khái luận lẫn cách làm bài và đề cập đến cả hai loại bài nghị luận xã hội trong chương trình. Cụ thể:

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý.

- Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý.

Ngoài ra, chương trình còn được bổ trợ thêm qua phần đọc - hiểu một số văn bản dạng nghị luận xã hội. Nhìn chung, chương trình Ngữ Văn Trung học cơ sở chỉ mang tính giới thiệu và thực hành nghị luận xã hội ở mức độ đơn giản, chưa tập trung vào việc khắc sâu tri thức và rèn luyện kỹ năng làm bài cho học sinh. Chính xác hơn, đó chỉ là bước đệm để giúp các em hoàn thiện hơn nữa kiểu bài này ở chương trình Ngữ Văn bậc Trung học phổ thông.

❖Chương trình Ngữ Văn Trung học phổ thông:

Trong chương trình Ngữ Văn Trung học phổ thông, kiểu bài nghị luận xã hội được thực hành khá kỹ ngay từ lớp 11. Ở bài viết số 1 đầu năm học lớp 11, học sinh đã được định hướng làm bài nghị luận xã hội. Bài viết số 6 và số 7 lại tiếp tục được định hướng làm bài nghị luận xã hội. Đến lớp 12, phần nghị luận xã hội được đề cập ngay từ đầu năm học với Bài viết số 1 là văn nghị luận xã hội và hai bài lý thuyết, cụ thể:

- Nghị luận về một tư tưởng đạo lý.
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

Như vậy, nghị luận xã hội có vị trí hết sức quan trọng trong nhà trường phổ thông. Ở đó, học sinh không chỉ được tiếp cận dạng bài nghị luận xã hội mà còn được luyện tập thực hành thành lập văn bản một cách khá kỹ càng, giúp các em hoàn thiện thêm về kiến thức và kỹ năng làm văn nghị luận xã hội.

1.3.Những yêu cầu chung:

Khi viết một bài nghị luận xã hội, người viết phải đảm bảo tính khách quan, khoa học và hướng về vấn đề bàn luận được đặt ra trong đề bài. Điều đó đòi hỏi người viết phải có kinh nghiệm và vốn sống phong phú, hiểu biết rộng và có óc tư duy sắc sảo. Do đó, bài nghị luận xã hội cần phải đạt được những yêu cầu sau:

- Thể hiện sự hiểu biết chính xác, tường tận về vấn đề hay hiện tượng xã hội được bàn bạc. Người viết phải chỉ ra được thực chất cũng như xu hướng vận động của vấn đề hay hiện tượng đó.

-Người viết phải có chính kiến, bộc lộ công khai lập trường quan điểm, tư tưởng của mình; đề xuất những ý kiến, nhận định, đánh giá về vấn đề xã hội được đem ra bàn bạc; đưa ra đề nghị, giải pháp thích hợp.

-Bài nghị luận xã hội phải có tính thời sự cao, hướng tới mục đích định hướng tư tưởng và hành động cho người đọc, thuyết phục họ tham gia tích cực vào việc giải quyết những vấn đề xã hội đang được đặt ra trong đề bài.

-Bài nghị luận xã hội là kiểu bài nghị luận có tính chất tổng hợp cao, đòi hỏi người viết phải sử dụng nhiều thao tác nghị luận. Một mặt, bài nghị luận xã hội coi trọng việc giải thích để làm sáng tỏ nội dung cụ thể của những thuật ngữ, hiện tượng, vấn đề ... được đề cập đến; mặt khác, nó đòi hỏi phải phân tích những phương diện, những khía cạnh cụ thể của các hiện tượng hoặc vấn đề xã hội đang được đưa ra bàn bạc. Bài nghị luận xã hội cũng yêu cầu những nhận định, đánh giá phải có căn cứ xác đáng; những ý kiến, nhận xét cần phải được chứng minh một cách cụ thể, thuyết phục.

-Trong nhà trường, đòi hỏi học sinh phải hiểu biết cụ thể, trình bày rõ ràng, thuyết phục một vấn đề xã hội đem ra bàn luận; qua đó phải nêu được suy nghĩ, bày tỏ thái độ, nhận xét, đánh giá của riêng mình về vấn đề bàn luận. Học sinh phải biết vận dụng những kiến thức từ trong thực tế đời sống hay lấy trong sử sách để luận giải các vấn đề xã hội; đồng thời, người viết phải chú ý cách sử dụng ngôn ngữ sắc bén, chính xác, gợi cảm, có khả năng khơi động được tư tưởng và tình cảm xã hội của người đọc.

❖Yêu cầu đối với bài văn nghị luận xã hội trong đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông:

Trong đề thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông, bài văn nghị luận xã hội thường đưa ra yêu cầu dưới dạng một bài viết (khoảng 400 từ) bàn về một vấn đề mang tính thời sự cấp thiết của đời sống xã hội.

Ví dụ, năm 2009, đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông yêu cầu:

Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách.

Với yêu cầu này, đòi hỏi thí sinh phải biết cách thành lập một văn bản nghị luận xã hội: đúng thể loại, có kết cấu lôgic, diễn đạt mạch lạc ...; đảm bảo tối thiểu về mặt nội dung: bày tỏ hiểu biết của bản thân về lĩnh vực bàn luận; có ý kiến, quan điểm rõ ràng; có lý lẽ, dẫn chứng xác đáng; cách lập luận chặt chẽ, thuyết phục trong quá trình giải quyết vấn đề.

Vấn đề được đưa ra bàn luận ở đây không phải là quá khó đối với học sinh lớp 12 cả về hình thức lẫn nội dung nghị luận. Điều quan trọng là các em làm thế nào để viết ra được những hiểu biết đó; bàn bạc về nó; có quan điểm, thái độ rõ ràng ... bằng một văn bản đúng với yêu cầu của đề bài.

2-Nội dung, biện pháp thực hiện các giải pháp của đề tài:

Như trên đã trình bày, vai trò vị trí, tầm quan trọng của nghị luận xã hội là rất lớn nhưng thực tế kết quả làm bài của học sinh lại cho thấy điều ngược lại. Lỗi của các em chủ yếu là không biết cách làm bài, không xác định được cần phải viết gì, viết như thế nào? Nói đúng hơn, các em không biết cách xác định từng phần nội dung (trình tự các bước đi) cho bài viết của mình. Từ đó, dẫn đến tình trạng chung là bài làm có kết cấu rời rạc, thiếu tính hệ thống, lập luận lỏng lẻo không có tính logic, lý lẽ kém tính thuyết phục.

Như vậy, vấn đề đặt ra cần giải quyết đối với các em học sinh lớp 12 là giúp các em *củng cố lý thuyết, thực hành rèn kỹ năng làm văn nghị luận xã hội để đạt kết quả cao trong học và thi Ngữ Văn.*

2.1.Hướng dẫn củng cố lý thuyết:

Lý thuyết làm văn nghị luận xã hội không nhiều, chủ yếu tập trung vào mấy đơn vị kiến thức cơ bản sau:

- Khái lược về nghị luận xã hội.
- Cách làm bài nghị luận xã hội.

Trong hai phần này, phần khái luận chủ yếu để học sinh nhận diện được nghị luận xã hội là gì, các chủ đề của nó và bản chất của dạng văn bản này. Sau đó dành thời gian ôn tập cách làm 2 loại bài nghị luận xã hội trong chương trình Ngữ Văn 12 đã đề cập. Cụ thể:

LÝ THUYẾT VỀ KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A-NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ:

1-Khái niệm, đề tài, yêu cầu và các thao tác chính:

a-Khái niệm:

-Nghị luận về một tư tưởng đạo lí là quá trình kết hợp những thao tác lập luận để làm rõ những vấn đề tư tưởng, đạo lí trong cuộc sống.

b-Đề tài:

Đề tài của nghị luận về tư tưởng, đạo lí là vô cùng phong phú, bao gồm:

-Các vấn đề về nhận thức như lí tưởng, mục đích sống ...

-Các vấn đề về tâm hồn, tính cách như:

+Lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng ...

+Tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hòa nhã, khiêm tốn

...

+Thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi ...

-Về các quan hệ gia đình: tình mẫu tử, anh em ...

-Về quan hệ xã hội: tình đồng bào, tình thầy trò, bạn bè ...

-Về cách ứng xử, những hành động của mỗi người trong cuộc sống ...

c-Yêu cầu:

-Biết phân tích, giải thích để xác định vấn đề đặt ra trong đề bài, hiểu được vấn đề cần nghị luận.

-Chứng minh những biểu hiện cụ thể của vấn đề, so sánh, bàn bạc, bác bỏ vấn đề ...

-Phải biết rút ra ý nghĩa của vấn đề bàn luận.

2-Các thao tác lập luận cơ bản:

-Gồm các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận.

3-Nội dung cơ bản của bài làm:

- Giới thiệu, giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn.
- Phân tích những mặt đúng, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề bàn luận.
- Nêu ý nghĩa, rút ra bài học nhận thức và hành động về tư tưởng, đạo lí.

4-Dàn bài khái quát:

a-Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề được đưa ra bàn luận.
- Nêu luận đề: dẫn nguyên văn câu chứa nội dung tư tưởng, đạo lí.
- Giới hạn nội dung và thao tác nghị luận sẽ triển khai.

b-Thân bài:

- Giải thích tư tưởng, đạo lí cần nghị luận; nêu các khía cạnh nội dung của tư tưởng, đạo lí.
- Phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh; bác bỏ, phê phán những sai lệch (nếu có).
- Khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ thực tế, rút ra bài học nhận thức và hành động.

c-Kết bài:

- Tóm tắt các ý, nhấn mạnh luận đề đã nêu ở đầu bài nhằm chốt lại bài viết hoặc dẫn thơ, mở rộng vấn đề, gợi ý thêm cho người đọc về vấn đề đang bàn luận.
- Rút ra bài học và nêu cảm xúc, suy nghĩ, hành động của bản thân về vấn đề.

B-NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG:

1-Khái niệm:

Nghị luận về một hiện tượng đời sống là kiểu bài lấy một hiện tượng xảy ra trong đời sống để bàn bạc. Từ hiện tượng này, người nghị luận phải phân tích để tìm ra ý nghĩa xã hội về tư tưởng, đạo đức mà bàn bạc, đánh giá vấn đề. Đề tài đưa ra bàn bạc gắn gũi với đời sống, sát hợp với trình độ nhận thức của HS như: *tai nạn giao thông, hiện tượng môi trường bị ô nhiễm, những tiêu cực trong thi cử, nạn bạo hành trong gia đình, phong trào thanh niên tiếp sức mùa thi, những tấm gương người tốt việc tốt ...*

2-Các thao tác lập luận cơ bản:

-Gồm các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận.

3-Nội dung cơ bản:

-Nêu rõ hiện tượng bàn luận và vấn đề đặt ra trong hiện tượng đời sống bàn luận.

-Phân tích mặt đúng - sai, tích cực - tiêu cực, lợi - hại ... của hiện tượng đời sống.

-Chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội đó.

4-Dàn ý khái quát:

a-Mở bài:

-Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận.

-Xác định vấn đề đặt ra cần nghị luận trong hiện tượng.

b-Thân bài:

-Nêu thực trạng của hiện tượng.

-Xác định nguyên nhân của thực trạng hiện tượng.

-Đánh giá, phân tích mặt tốt - xấu, tích cực – tiêu cực, lợi – hại ... của vấn đề bàn luận.

-Đề xuất giải pháp cho vấn đề: phát huy, khắc phục ...

c-Kết bài:

-Tóm tắt, chốt lại vấn đề.

-Rút ra bài học.

-Nêu suy nghĩ và hướng hành động của bản thân đối với vấn đề.

2.2.Hướng dẫn thực hành làm bài nghị luận xã hội:

Thực hành là bước quan trọng nhất của việc làm văn nói chung và làm văn nghị luận xã hội nói riêng. Thông qua thực hành, giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng: tư duy biện chứng, cách tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý và viết các phần, các đoạn và rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu, dựng đoạn ... trong quá trình thành lập văn bản.

2.2.1. Thực hành tìm hiểu đề:

Trước bất cứ đề bài nào, giáo viên cũng cần hướng dẫn và yêu cầu học sinh đọc kỹ, gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đề bài và tự đặt ra câu hỏi:

- Vấn đề đặt ra trong đề bài là gì?

- Vấn đề nghị luận về một tư tưởng đạo lý hay một hiện tượng đời sống?

- Cần sử dụng thao tác nào để nghị luận?

Từ đó, học sinh đi tìm câu trả lời để có định hướng cho nội dung bài làm và cơ sở để tìm ý và lập dàn ý.

2.2.2. Thực hành tìm ý và lập dàn ý:

Thực hành tìm ý và lập dàn ý cho một đề bài cụ thể sẽ giúp học sinh định hướng cho nội dung bài viết một cách đầy đủ, logic, khoa học; làm chủ nội dung và làm chủ thời gian để hoàn tất bài viết theo yêu cầu của đề bài. Thông thường, học sinh hay làm bài theo cảm tính, nghĩ gì viết nấy, nghĩ đến đâu viết đến đấy, không có thói quen tìm ý và lập dàn ý trước. Vì vậy, giáo viên nên yêu cầu và nhất thiết cần phải hình thành cho học sinh thói quen tốt này, sẽ rất hiệu quả trong quá trình học và nhất là khi các em đi thi tốt nghiệp.

Đối với các dạng bài nghị luận xã hội, mỗi đề bài lại có một cách tiến hành tìm ý và lập dàn ý, có như vậy mới đảm bảo được tính đa dạng và sáng tạo của thể loại.

Cách 1: Tìm ý và lập dàn ý dựa vào dàn ý khái quát.

Đây là cách thông thường, rất thuận lợi cho những học sinh có khả năng tư duy và viết bài tốt. Người viết bám vào khung dàn ý khái quát và định ra dàn ý cụ thể.

DÀN Ý KHÁI QUÁT

1-Dàn ý khái quát bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lý:

a-Mở bài:

-Giới thiệu vấn đề được đưa ra bàn luận.

-Nêu luận đề: dẫn nguyên văn câu chứa nội dung tư tưởng, đạo lý.

-Giới hạn nội dung và thao tác nghị luận sẽ triển khai.

b-Thân bài:

-Giải thích tư tưởng, đạo lí cần nghị luận (nêu các khía cạnh nội dung của tư tưởng, đạo lí).

-Phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh; bác bỏ, phê phán những sai lệch (nếu có).

-Khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ thực tế, rút ra bài học nhận thức và hành động.

c-Kết bài:

-Tóm tắt các ý, nhấn mạnh luận đề đã nêu ở đầu bài nhằm chốt lại bài viết hoặc dẫn thơ, văn để mở rộng, gợi ý thêm cho người đọc về vấn đề đang bàn luận.

-Rút ra bài học. Nêu cảm xúc, suy nghĩ hành động của bản thân về vấn đề bàn luận.

❖ĐỀ BÀI MINH HỌA:

1-“Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống” - Lep Tôn-xtôi.

Anh (chị) hãy suy nghĩ về vai trò của lí tưởng và lí tưởng của riêng mình.

a-Giải thích câu nói: mối quan hệ giữa lí tưởng - ngọn đèn - phương hướng - cuộc sống:

-Về nội dung trực tiếp: lí tưởng vạch ra phương hướng cho cuộc đời của mỗi con người. Lí tưởng là ngọn đèn, không có lí tưởng thì cuộc sống không có ý nghĩa.

-Về thực chất: con người muốn thành công thì phải có lí tưởng. Nâng cao vai trò của lí tưởng lên tầm cao, ý nghĩa cuộc sống.

b-Bàn luận: Suy nghĩ của bản thân về vai trò của lý tưởng đối với cuộc sống:

-Là ngọn đèn soi đường chỉ lối, hướng con người tới một đích nhất định.

-Là động lực thúc đẩy con người vượt qua khó khăn trở ngại để đạt được mục đích đúng đắn.

→ Nhờ có lí tưởng cuộc sống mới có ý nghĩa, có định hướng để đạt mục đích tốt đẹp.

-Lí tưởng là mục đích cao nhất trong cuộc đời mỗi người, là cái ta vạch ra nhằm đạt cho được. Nó mở ra phương hướng nỗ lực, dẫn dắt hoạt động của con người theo một hướng tập trung, biến ước mơ thành hiện thực, Mỗi người cần quan tâm xây dựng lí tưởng sống cũng như người đi đường cần có mục tiêu.

-Có lí tưởng sống tầm thường: chỉ quanh quẩn về quyền lợi cá nhân ích kỷ; có lí tưởng sống cao đẹp: sống vì nước, vì dân, vì mọi người nhiều hơn vì mình. Lí tưởng càng cao đẹp thì sức vẫy gọi của nó càng mạnh mẽ, nó trở thành một sức mạnh tinh thần.

-Nhờ có lí tưởng mà nhiều nhà khoa học đã làm việc không biết mệt mỏi và đạt được những thành tựu rực rỡ; nhiều nhà hoạt động cách mạng đã chiến thắng trong các cuộc đấu tranh không cân sức với kẻ thù.

-Thế hệ trẻ ngày nay: nhiều người sống không có lí tưởng. Những mơ ước hàng ngày chỉ là một vài quyền lợi vật chất nhỏ bé, thiếu sức thúc đẩy của những tình cảm bên trong. Cách sống ấy làm cho con người thiếu hẳn sức mạnh thôi thúc từ bên trong, khi gặp khó khăn rất dễ chán nản.

c-Bài học nhận thức và hành động:

-Khẳng định vai trò của lý tưởng đối với đời sống mỗi con người và rút ra bài học xây đắp lý tưởng cao đẹp: xác định được lý tưởng, mục đích sống, biết ước mơ và biết hành động để thực hiện ước mơ đó.

-Cuộc sống không có lí tưởng sẽ là cuộc sống tẻ nhạt, vô vị. Phải có ý thức tạo dựng cho mình một cái đích phía trước. Cái đích ấy càng cao cả, đẹp đẽ thì sức vẫy gọi đi lên của nó càng mạnh mẽ, kì diệu. Nó sẽ thúc đẩy chúng ta vượt qua mọi khó khăn để đi tới. Tuy nhiên, lí tưởng phải có tính khả thi. Với những nỗ lực cao nhất, điều hôm nay chúng ta mơ ước ngày mai sẽ trở thành hiện thực.

2-Dàn ý khái quát bài nghị luận về một hiện tượng đời sống:

a-Mở bài:

-Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận.

-Xác định vấn đề đặt ra cần nghị luận trong hiện tượng.

b-Thân bài:

- Nêu thực trạng của hiện tượng.
- Xác định nguyên nhân của thực trạng hiện tượng.
- Đánh giá, phân tích các mặt tốt - xấu, tích cực - tiêu cực, lợi - hại ... của vấn đề.
- Đề xuất giải pháp cho vấn đề: cách phát huy, khắc phục ...

c-Kết bài:

- Tóm tắt, chốt lại vấn đề.
- Rút ra bài học. Nêu suy nghĩ và hướng hành động của bản thân đối với vấn đề.

❖ĐỀ BÀI MINH HỌA:

Suy nghĩ của anh chị về bệnh “vô cảm” trong đời sống hiện nay.

a-Mở bài:

- Dân tộc ta có truyền thống tương thân tương ái, thương người như thể thương thân vô cùng tốt đẹp.
- Nhưng vẫn có những người mắc căn bệnh đi ngược lại truyền thống đạo đức quý báu của dân tộc: bệnh vô cảm trong xã hội hiện nay.

b-Thân bài:

- Khái niệm vô cảm: không có tình cảm, cảm xúc; không có sự rung cảm trước các vấn đề xã hội; không có sự đồng cảm trong sự sẻ chia cảm xúc với người khác.
- Biểu hiện của bệnh vô cảm: bàng quan, thờ ơ với mọi điều xảy ra xung quanh mình, với những điều mà xã hội quan tâm: làm ngơ trước lời kêu gọi bảo vệ môi trường; quay lưng với những người bị tai nạn, đồng thương; những người bị thiên tai ... VD: vụ nữ sinh Hà Nội bị đánh hội đồng xảy ra ngày 03/3/2010, nhiều học sinh cùng lớp điem nhiên ngồi xem, nhiều người lớn cũng đứng xem rồi bỏ đi ...
- Bệnh vô cảm ảnh hưởng gì đến đời sống xã hội (tác hại): trở thành kẻ đứng ngoài cuộc, đáng trách, tẻ nhạt, thậm chí bất nhân ... trước nỗi đau của người khác → ích kỷ, không khác gì cái máy, không có tình cảm, không biết yêu thương, khó kết thân với người khác; khó hợp tác trong công việc, học tập ...

-Hiện nay, điều kiện vật chất, tinh thần của xã hội ngày càng phát triển thì con người càng có xu hướng sống chỉ biết riêng mình.

-Phương hướng chữa bệnh vô cảm: rèn lối sống trọng tình người thông qua các hoạt động phong trào: đền ơn đáp nghĩa; lá lành đùm lá rách, các hoạt động từ thiện ...

-Khẳng định:

+Tình thương là cái quý giá của con người; bệnh vô cảm đã làm mất đi phẩm chất ấy, không khác gì biến dòng máu hồng hào trở thành máu trắng. Trái tim mỗi con người cần được thắp sáng ước mơ, khát vọng, ý chí và sự sáng tạo với cộng đồng. Điều đó sẽ chống lại bệnh vô cảm và làm cho cuộc đời có ý nghĩa.

c-Kết bài:

-Lối sống vô cảm cần phải bị loại bỏ.

-Đề cao lối sống giàu tình thương, lòng nhân ái và sự đồng cảm, sẻ chia trong quan hệ giữa người với người.

Cách 2: Tìm ý và lập dàn ý theo khung câu hỏi

Đây là cách tìm ý và lập dàn ý rất phù hợp với năng lực của những học sinh yếu. Khung câu hỏi này được xây dựng dựa trên cơ sở dàn bài khái quát, nhưng nó được cụ thể thành các câu hỏi dễ hiểu, dễ trả lời. Học sinh chỉ việc thuộc các câu hỏi này, khi tìm ý và lập dàn ý chỉ cần trả lời các câu hỏi đó là có thể tìm được ý, thậm chí có thể viết thành văn bản. Tuy nhiên, nó có sự hạn chế nhất định về mặt sáng tạo.

KHUNG CÂU HỎI TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý

1-Đối với bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí:

a-Mở bài:

-Vấn đề sắp trình bày là gì?

-Thái độ của xã hội nói chung đối với vấn đề đó như thế nào?

b-Thân bài:

-Vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

-Vấn đề đúng hay sai, tốt hay xấu, tích cực hay tiêu cực...?

- Tình trạng của vấn đề đang diễn ra như thế nào trong xã hội?
- Cần có thái độ gì đối với tình trạng đó?

c-Kết bài:

- Cần tóm tắt, chốt lại vấn đề như thế nào?
- Bài học chung có thể rút ra từ vấn đề là gì?
- Bản thân có suy nghĩ cảm xúc và hành động như thế nào trước tư tưởng, đạo lí?

2-Đối với bài nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống:

a-Mở bài:

- Hiện tượng bàn luận là gì?
- Hiện tượng đặt ra vấn đề gì cần giải quyết?

b-Thân bài:

- Thực trạng của hiện tượng đang diễn ra như thế nào?
- Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng và thực trạng đó?
- Những hậu quả (tốt, xấu) từ hiện tượng là gì?
- Cần có thái độ, hành động như thế nào đối với hiện tượng?

c-Kết bài:

- Cần tóm tắt, chốt lại vấn đề như thế nào?
- Bài học chung rút ra từ hiện tượng là gì?
- Bản thân có cảm xúc suy nghĩ gì và cần phải làm thế nào trước hiện tượng?

2.3.Hướng dẫn thực hành viết bài:

Có thể khẳng định: đây là bước quan trọng nhất của làm văn, vì nó là bước hoàn thiện “*sản phẩm*”. Chính vì vậy, giáo viên và học sinh phải tập trung đầu tư thời gian cho việc hướng dẫn và thực hành viết bài nghị luận xã hội.

Sau khi đã lập xong dàn ý, học sinh sẽ dựa vào dàn ý đã được xây dựng để viết. Điều quan trọng là học sinh phải tìm được cách diễn đạt trong sáng, cách trình bày lý lẽ và dẫn chứng một cách cô đúc mà chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.

Như vậy, mỗi tuần giáo viên có thể cho học sinh tiến hành giải quyết 1 đề bài tại lớp: giáo viên và học sinh cùng nhau tìm hiểu đề, lập dàn ý; học sinh thực hành viết từng đoạn, từng phần trong một khoảng thời gian nhất định. Sau

đó, học sinh trình bày, tập thể lớp nghe, nhận xét, đánh giá, sửa chữa cho hoàn thiện.

Có thể nói, thao tác này rất hiệu quả đối với học sinh, giúp các em tiến bộ rất nhanh, vì rút được kinh nghiệm ngay sau khi thực hành.

2.4.Hướng dẫn tích lũy kiến thức xã hội:

Thực ra, kiến thức xã hội của học sinh không thể dễ dàng tự nhiên có được trong một sớm một chiều mà đòi hỏi cả một quá trình trải nghiệm, tiếp nhận, nhận thức. Vì thế, trong quá trình dạy - học, giáo viên cần chú ý định hướng kiến thức để các em kịp thời xâu chuỗi, tự bổ sung kiến thức thông qua sách vở, các phương tiện thông tin đại chúng, bạn bè, người thân, thầy cô ... Lưu ý những vấn đề đang được xã hội quan tâm, mang tính thời sự cao để từ đó, định ra một số vùng kiến thức cơ bản, giúp học sinh tự tìm cách bổ sung, làm giàu kiến thức cho mình.

IV-KẾT QUẢ:

Để hướng dẫn học sinh lớp 12 rèn kỹ năng làm văn nghị luận xã hội đạt hiệu quả, trong quá trình dạy - học, người giáo viên Ngữ Văn cần biết kết hợp các phương pháp giảng dạy một cách linh hoạt nhất để giúp các em hiểu và biết cách xác định được yêu cầu đặt ra từ các đề bài nghị luận xã hội; từ đó xây dựng được dàn ý và chọn cách thể hiện hiểu biết của bản thân về vấn đề phù hợp nhất.

Khi áp dụng kinh nghiệm này vào thực tế dạy học, tôi nhận thấy: các em học sinh hứng thú hơn với giờ học Văn, dường như không còn thái độ ngại ngùng khi gặp các đề bài nghị luận xã hội ... đã tạo một không khí học tập tích cực hơn. Khi được yêu cầu trình bày những hiểu biết của mình về một đề bài cụ thể (theo từng phần, từng đoạn) trong những giờ thực hành, hầu hết học sinh đều có ý thức chuẩn bị, nghiên cứu khá kỹ nội dung của đề bài, từ đó các em trở nên tự tin và mở rộng tầm hiểu biết của mình khi tiếp cận với những vấn đề được đặt ra trong đề bài nghị luận xã hội. Mặt khác, giúp các em hình thành thói quen làm việc khoa học, trao đổi những hiểu biết của mình với bạn bè, có thể hỏi thêm

thầy, cô để làm giàu thêm kiến thức cho mình, rất thuận lợi trong quá trình học tập và khi làm bài thi.

V-BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

Khi dạy các kiểu bài nghị luận xã hội, muốn đạt được hiệu quả thiết thực và cung cấp thêm kiến thức, hình thành cho học sinh kỹ năng làm bài, ngoài kiến thức bộ môn, đòi hỏi người giáo viên Ngữ Văn cần có một quá trình chuẩn bị lâu dài:

-Tích hợp kiến thức từ những môn học khác nhau: lịch sử, địa lý ... và bổ sung kiến thức về chuyên môn (liên kết kiến thức bộ môn ở các cấp học, lớp học); kiến thức từ thực tế cuộc sống, kinh nghiệm và vốn sống ...

-Biết củng cố và hệ thống kiến thức, rèn luyện kỹ năng làm bài nghị luận xã hội cho học sinh, giúp các em có phương pháp làm việc khoa học; từ đó thêm yêu thích bộ môn Ngữ Văn trong nhà trường phổ thông, nhất là để các em có thêm kiến thức qua những vấn đề đặt ra từ các đề bài nghị luận xã hội, làm giàu vốn sống cho bản thân, góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách cho các em, chuẩn bị hành trang vào đời.

VI-KẾT LUẬN:

Xã hội hiện nay ngày càng phát triển cùng với sự bùng nổ của các phương tiện thông tin, khoa học, kỹ thuật và công nghệ; lượng kiến thức cần cập nhật ngày càng nhiều đối với người học, song chúng ta không thể nhồi nhét tất cả các tri thức của nhân loại cho học sinh mà phải dạy cho các em phương pháp học, lĩnh hội và thể hiện kiến thức. Vì vậy, việc đổi mới phương pháp dạy học của các môn học nói chung và môn Ngữ Văn trong trường phổ thông nói riêng hiện nay là điều rất cần thiết. Nó đòi hỏi người giáo viên Ngữ Văn phải linh hoạt, năng động, sáng tạo; biết lựa chọn và kết hợp đồng thời các phương pháp tối ưu nhất, phát huy cao độ tính tích cực, chủ động của học sinh nhằm nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ Văn, kích thích và khơi dậy ở các em lòng ham học, ham hiểu biết. Đó cũng là một trong những mục tiêu của giáo dục mà nhà trường phổ thông cần phải chuẩn bị cho học sinh.

Trên đây chỉ là một vài đóng góp nhỏ để tìm một hướng đi trong quá trình dạy - học Ngữ Văn, qua việc *Hướng dẫn học sinh lớp 12 rèn kỹ năng làm văn Nghị luận xã hội* từ thực tế giảng dạy của bản thân – với mong muốn giúp các em học sinh lớp 12 rèn luyện kỹ năng thành lập văn bản, là một phần không thể thiếu trong quá trình học tập, giúp học sinh lớp 12 học và rèn kỹ năng làm bài văn nghị luận xã hội đạt được những kết quả nhất định trong quá trình học và thi môn Ngữ Văn.

Tuy nhiên, đây cũng mới chỉ là những kinh nghiệm cá nhân trong quá trình giảng dạy, xin mạnh dạn trao đổi cùng các quý đồng nghiệp để chúng ta cùng tìm ra hướng đi tốt nhất, giúp các em học sinh thu nhận được nhiều hơn nữa kiến thức từ văn học và cuộc sống trong quá trình dạy – học, góp phần từng bước hoàn thiện nhân cách cho các em, để các em có hành trang tri thức để tự tin bước vào đời.

Rất mong sớm nhận được sự chia sẻ và những ý kiến đóng góp quý báu của các quý Thầy, Cô đồng nghiệp về vấn đề này để chúng ta cùng giúp các em học sinh yêu thích và học tập môn Ngữ Văn ngày càng tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 5 năm 2011
Người thực hiện

Lê Thị Thanh Hồng

❧ TÀI LIỆU THAM KHẢO ❧

- 1-Sách giáo khoa Ngữ văn 12, tập 1, tập 2 – NXB Giáo dục – năm 2009.
- 2-Sách giáo viên Ngữ văn 12, tập 1, tập 2 – NXB Giáo dục – năm 2009.
- 3-Sách giáo khoa Ngữ văn 9, tập 1, tập 2 – NXB Giáo dục – năm 2009.
- 4-Rèn luyện kỹ năng nghị luận – Bảo Quyền – NXB Giáo dục – 2003.
- 5-Muốn viết được bài văn hay – Nguyễn Đăng Mạnh – NXB Giáo dục – 1994
- 6-Dạy văn ở trường phổ thông – Nguyễn Thị Thanh Hương – NXB ĐHQG Hà Nội – 2001.